

KẾ HOẠCH

Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Chính phủ xác định biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững và Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị tác động mạnh mẽ nhất bởi biến đổi khí hậu, đặc biệt ĐBSCL. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Nghị quyết phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu thể hiện chủ trương, chính sách, nỗ lực và quyết tâm của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Giai đoạn từ năm 2021, ứng phó biến đổi khí hậu được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển bên cạnh phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ chính trị.

Tỉnh Bến Tre thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và các mục tiêu và nhiệm vụ của Trung ương bằng Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả thực hiện kế hoạch hành động 05 năm của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, tích cực. Tuy nhiên, công tác ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh vẫn còn khó khăn, hạn chế. Tỉnh chưa chủ động được nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất, sinh hoạt; năng lực thích ứng của vật nuôi, cây trồng chưa cao trước tác động xâm nhập mặn và gia tăng tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển do triều cường, nước dâng ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân. Bên cạnh đó, kịch bản biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre năm 2020 (cập nhật theo kịch bản Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2017) dự báo xu hướng gia tăng xâm nhập mặn trên toàn tỉnh, nước dâng và thách thức vấn đề nước sông Mê Kông, áp lực gia tăng ô nhiễm môi trường nước mặt. Tỉnh Bến Tre đã xác định nhiệm vụ trọng tâm về quản lý, đảm bảo an ninh nguồn nước và nguồn cấp nước ngọt thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2020 - 2030.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đồng thời góp phần thực hiện các cam kết về ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (NAP); Kết luận số 56-KL/TW của Bộ chính trị Khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI

về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và khắc phục các hạn chế, khó khăn, phát triển những quả đạt được của giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021- 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái

Nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, tăng cường khả năng chống chịu của các thành phần kinh tế và hệ sinh thái trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các chương trình, đề án, dự án thích ứng cụ thể ở mỗi ngành, lĩnh vực nhằm đạt được mục tiêu thích ứng chung của tỉnh và của từng ngành. Cụ thể:

Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Đến năm 2023, hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước ngọt điều tiết nước, chống xâm nhập mặn của tỉnh hoàn thành, khép kín. Đến năm 2025, tỉnh chủ động được nguồn cung cấp và cấp đủ nước ngọt phục vụ sinh hoạt, sản xuất trên toàn tỉnh trong thiên tai, tình trạng xâm nhập mặn, khô hạn kéo dài; thực hiện đạt mục tiêu của Kế hoạch phòng chống, ứng phó hạn mặn trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2025. Năm 2025, tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

- Nhân rộng các mô hình trồng trọt và chăn nuôi có hiệu quả kinh tế và thích ứng biến đổi khí hậu của giai đoạn 2016 - 2020 nhằm tăng cường hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu; Điều chỉnh lịch mùa vụ canh tác thích ứng cho từng tiểu vùng sinh thái và phù hợp khi hệ thống thủy các công trình thủy lợi hoàn thành khép kín.

- Triển khai, đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh và tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng, vật nuôi trước những thay đổi của khí hậu.

- Phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản; Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi với khí hậu.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thích ứng với điều kiện khí hậu thay đổi. Phát triển các mô hình canh tác thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển và dựa vào cộng đồng.

Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước (ngọt, lợ, mặn) trên địa bàn tỉnh Bến Tre phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Quản lý tổng hợp môi trường các hồ chứa nước ngọt trong điều kiện biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có hồ chứa nước ngọt sông Ba Lai,

Hồ chứa nước ngọt Kênh Lấp là một trong những nguồn cấp nước quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đến tài nguyên nước thông qua tăng cường công tác quản lý, giám sát, bảo vệ tài nguyên nước. Đến năm 2022 hoàn thành, công bố xác định danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; các địa phương có kế hoạch triển khai và hoàn thành cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, hoàn thành đến năm 2030; thiết lập và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt bảo vệ nguồn nước trong điều kiện xâm nhập mặn và ô nhiễm môi trường; năm 2021 - 2022 hoàn thành đánh giá các nguồn thải vào nguồn nước của tỉnh. Tỷ lệ lưu vực các sông lớn, hồ chứa nước ngọt quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến đến năm 2025 là 10%, năm 2030 là 20%.

- Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng:

- + Đến năm 2022 hoàn thành đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của tỉnh, xác định và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh đến năm 2030.

- + Tỷ lệ diện tích đất bị thoái hóa năm 2025 là 20%, năm 2030 giảm còn 18% diện tích sản xuất, canh tác nông nghiệp.

- + Năm 2030, dựa trên cơ sở khoa học và phù hợp quy định quốc gia và quốc tế phát triển tỷ lệ các khu bảo tồn thiên nhiên đạt 3-5% so với diện tích tự nhiên.

Lĩnh vực Y tế:

Tăng cường đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khỏe cộng đồng; Triển khai, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát dịch bệnh; vệ sinh môi trường; thực phẩm, dinh dưỡng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu ngành y tế tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Lĩnh vực lao động - xã hội:

Nâng cao năng lực cho phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhân rộng mô hình Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển thuộc kết quả của dự án AMD tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015 - 2020.

Lĩnh vực văn hóa - thể thao - du lịch:

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu;

- Đẩy mạnh công tác duy tu, bảo tồn các di tích văn hóa trong điều kiện

biến đổi khí hậu;

- Nâng cao khả năng khai thác các hoạt động du lịch trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt chú trọng đến các khu, điểm du lịch.

Lĩnh vực giao thông vận tải:

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông ở những vùng thường bị đe dọa bởi thiên tai và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, triều cường, nước dâng.

- Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú tạo trục đường chính kết nối với các đường tránh, trú bão, phục vụ nhu cầu sơ tán nhân dân và tài sản nhân dân trong khu vực ven biển thuộc các huyện Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại đến nơi an toàn khi có dự báo bão vào trong khu vực; đồng thời kết nối đến khu kinh tế phía Đông của tỉnh, tạo điều kiện môi trường thuận lợi để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo động lực thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, gắn với củng cố an ninh quốc phòng tuyến phòng thủ ven biển.

Lĩnh vực xây dựng và đô thị; cấp nước nông thôn

- Đầu tư xây dựng công trình, phát triển và mở rộng đô thị có lồng ghép, phù hợp với kịch bản cập nhật biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Triển khai các dự án nhằm áp dụng công nghệ mới, vật liệu bền vững có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng đô thị.

- Đầu tư nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị.

- Cấp thoát nước đô thị, xử lý nước thải tập trung:

- + Đến năm 2025: Đô thị thành phố Bến Tre có $\geq 20\%$, Đô thị thị trấn (Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam) $\geq 10\%$ nước thải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- + Đến năm 2030: Đô thị thành phố Bến Tre có $\geq 40\%$, Đô thị thị trấn (Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam) $\geq 25\%$ và các đô thị khác $\geq 10\%$ nước thải thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- + Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch đến năm 2025 là 99%; đến năm 2030 là 99,5%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt tỷ lệ 100% vào năm 2025.

- Cấp nước nông thôn: tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch năm 2025 là 65%; năm 2030 là 75%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ

sinh là trên 99%.

Lĩnh vực công nghiệp và thương mại:

- Nâng cấp cải tạo các cơ sở, công trình năng lượng tại khu vực ba huyện ven biển nhằm nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu.
- Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của các cơ sở sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ở khu vực ven sông và ven biển, trước tác động của nước biển dâng và thiên tai gia tăng do biến đổi khí hậu.

2. Chủ động, sẵn sàng ứng phó với thiên tai, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; Duy trì, vận hành thường xuyên hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động (20 trạm quan trắc tự động trên các nhánh sông chính và ứng dụng điện thoại di động Fews-AMD) thực hiện kết nối đồng với các trạm quan trắc tự động của dự án JICA3.
- Tiếp tục duy trì hệ thống tin nhắn SMS đến các thuê bao di động thông qua mạng internet trong việc truyền tải các nội dung chỉ đạo, điều hành; các thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến lãnh đạo các ngành, các cấp địa phương.
- Tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai; tăng cường các giải pháp chống sạt lở bờ sông, bờ biển; tăng cường các giải pháp công trình để đối phó với hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng.
- Cải thiện quản lý rủi ro thiên tai thông qua việc xác định, phân vùng và dự báo cấp độ rủi ro thiên tai.
- Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng tỉnh Bến Tre theo kịch bản Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 120 về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Tiếp tục thực hiện đồng bộ 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp cụ thể chính đã được xác định trong Kế hoạch số 1330/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó cần quan tâm liên kết vùng ĐBSCL.

Năm 2021, thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, rà soát, bổ sung nhiệm vụ cho trong giai đoạn 2022 - 2030 được xác định trong Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ. Một số nhiệm vụ sẽ được lồng ghép trong các nhiệm vụ thuộc mục tiêu của kế hoạch này.

4. Triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong

các lĩnh vực phù hợp với điều kiện Bến Tre, tận dụng các cơ hội của biến đổi khí hậu để phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp

a) Lĩnh vực năng lượng

- Đầu tư phát triển theo quy hoạch các nhà máy phát điện gió nổi lưới. Đến năm 2030, mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại, bền vững cho tất cả mọi người đặc biệt vùng sâu, vùng xa. Công suất tích lũy và sản lượng điện gió đến năm 2025 đạt 450MW, năm 2030 đạt 1250MW.

- Tăng cường phát triển phương tiện giao thông công cộng, khuyến khích chuyển từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo trong sinh hoạt như điện năng lượng mặt trời áp mái, chiếu sáng công cộng.

b) Lĩnh vực nông nghiệp

- Nhân rộng các mô hình, chuyển giao công nghệ duy trì, nhân rộng kết quả dự án Nông nghiệp Carbon thấp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013 - 2020; năm 2025 đạt 100% các cơ sở chăn nuôi có áp dụng công trình khí sinh học.

- Xây dựng và áp dụng mô hình kỹ thuật canh tác và chăn nuôi giảm phát thải khí nhà kính với từng hệ thống canh tác; hoàn thiện và triển khai trên diện rộng hệ thống canh tác - nuôi trồng thủy sản tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và ít phát thải;

- Triển khai quản lý chất thải chăn nuôi; quản lý, tái chế, sử dụng phụ phẩm cây trồng để sản xuất phân bón hữu cơ và các sản phẩm hàng hóa có giá trị khác để giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2025 tăng 10%, năm 2030 tăng 20% diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ (so với thời điểm năm 2020 là 9,8 ngàn ha cây ăn trái, dừa và tôm biển được công nhận GAP và hữu cơ).

- Trồng cây phân tán đạt bình quân: trồng 5000 ngàn cây/năm.

c) Lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp

Thực hiện các giải pháp bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất rừng để tăng lượng hấp thụ các-bon, bao gồm: khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng, các khu rừng khai thác, tăng cường trồng rừng và tăng độ che phủ của rừng, ổn định diện tích rừng tự nhiên đến năm 2025, 2030 ít nhất bằng diện tích đã đạt được tại năm 2020 và tăng diện tích có rừng lên 5000ha; tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 là 1,98% diện tích tự nhiên tỉnh.

Phát triển và triển khai các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon, bảo tồn đất và đảm bảo các lợi ích về kinh tế.

d) Lĩnh vực chất thải

- Triển khai mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính.

- Kiểm soát được phát thải khí nhà kính từ các bãi rác huyện, thành phố Bến Tre. Đến năm 2025, 50% các bãi rác hợp vệ sinh; năm 2030 là 100% bãi rác hợp vệ sinh.

- Triển khai tốt Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre và kế hoạch hành động về giải quyết rác thải nhựa. Đánh giá tổng thể về chất thải sinh hoạt tỉnh Bến Tre. Triển khai thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn từ năm 2022, từ năm 2023 triển khai đồng bộ quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải. Đến năm 2025 tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn là 95%, đến năm 2030 là 100%.

5. Góp phần thực hiện đầy đủ các cam kết của một Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030. Rà soát, cập nhật nhiệm vụ thực hiện Thỏa thuận Paris tỉnh Bến Tre theo cập nhật định kỳ báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) vào năm 2025 và 2030 của Chính phủ.

- Thực hiện cung cấp thông tin, số liệu cho Bộ Tài nguyên và Môi trường thực kiểm kê khí nhà kính hai năm một lần cho các năm 2022, 2024, 2026, 2028 và 2030 phục vụ xây dựng các báo cáo quốc gia theo quy định của Thỏa thuận Paris và đánh giá nỗ lực thực hiện cam kết giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phát triển ngành

- Năm 2021, tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre và Ban hành quy chế hoạt động phù hợp với ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; Giai đoạn từ năm 2021, nhiệm vụ biến đổi khí hậu sẽ chính thức đi vào công tác quản lý nhà nước của tỉnh, thành lập Phòng chuyên môn Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thực hiện đầy đủ và ban hành kịp các văn bản hướng dẫn, chủ trương, quy định pháp luật mới về biến đổi khí hậu mới của Chính phủ.

- Lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu vào Quy hoạch tỉnh phát triển tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030; các kế hoạch phát triển, các chương trình, dự án của sở, ngành, địa phương. Thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về biến đổi khí hậu hiện tại đã được đưa vào một số các văn bản luật hiện hành như Luật Quy hoạch, Môi trường, Tài nguyên Môi trường Biển Hải đảo, Tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn, Luật Đất đai và các văn bản pháp luật liên quan khác.

7. Nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai

- Tổ chức truyền thông thường xuyên hàng năm, các chương trình truyền thông và các lớp tập huấn cán bộ, viên chức, công chức các cấp; các tổ chức đoàn thể, xã hội và cộng đồng nhằm phổ biến, cập nhật, nâng cao các kiến thức,

thông tin về biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Tỷ lệ dân số được phổ biến kiến thức phòng chống bão, giảm thiểu rủi ro thiên tai đến năm 2025 là 80%, 2030 là 90%.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức và kỹ năng về thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các chương trình giáo dục phổ thông; các lớp đào tạo chính trị.

8. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ và tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Nguồn nhân lực

Lãnh đạo, chuyên viên phụ trách về biến đổi khí hậu (đặc biệt là các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh) các cấp tỉnh, huyện, xã được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thực hiện công tác ứng phó với biến đổi khí hậu do Trung ương, tỉnh và các Trường, Viện và các tổ chức Quốc tế.

b) Nguồn lực về khoa học và công nghệ

Bắt đầu từ năm 2022, triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu, tài nguyên, môi trường, bao gồm cả các thông tin về tổn thất và thiệt hại gây ra bởi biến đổi khí hậu của tỉnh Bến Tre. Xây dựng dữ liệu phải phù hợp, đồng bộ kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu của Trung ương, dữ liệu liên ngành phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu.

Hàng năm, xây dựng, thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề xuất giải pháp cấp tỉnh về tác động biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở,... đến phát triển bền vững kinh tế xã hội của tỉnh. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thị trường, tín chỉ carbon của tỉnh; đánh giá sức chịu tải hệ thống thủy lợi. Khuyến khích áp dụng Viễn thám, GIS các phần mềm, công cụ tiên tiến trong nghiên cứu quản lý nước dâng, xâm nhập mặn, sạt lở.

Nghiên cứu, phát triển và tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, hiện đại sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện với khí hậu.

c) Nguồn lực tài chính

- Lồng ghép ứng biến đổi khí hậu vào nhiệm vụ thường xuyên hàng năm ở các lĩnh vực như bảo vệ môi trường tài nguyên, khoa học công nghệ, nông thôn mới, phòng chống thiên tai, đầu tư trung hạn của tỉnh... để tận dụng nguồn kinh phí phân bổ từ Trung ương, các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia. Tỉnh bố trí ngân sách thường xuyên hàng năm cho hoạt động Ban Chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu, nhiệm vụ thường xuyên về biến đổi khí hậu.

- Thực hiện theo lộ trình của Trung ương để áp dụng khung chính sách về khuyến khích và ưu đãi đầu tư, các công cụ tài chính nhằm huy động hiệu quả nguồn lực tài chính cho ứng phó biến đổi khí hậu.

- Xúc tiến triển khai các hoạt động vận động quốc tế, kêu gọi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng, đề xuất triển khai các chương trình, dự án phù hợp với đối tác quốc tế về thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu tại Việt Nam nhằm đạt được mục tiêu hằng năm tỉnh đều có từ 01- 02 Thỏa thuận/Văn kiện hợp tác ODA, tài trợ Phi chính phủ liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu.

- Triển khai đảm bảo tiến độ, giải ngân kinh phí đối với các dự án ODA đang thực hiện, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu

Tỉnh sẽ tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nhà tài trợ, đối tác giúp tỉnh trong thời gian qua như: Đại sứ Quán Đan Mạch, Quỹ thế giới phát triển nông nghiệp (IFAD), Ngân hàng thế giới (WB); Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ); Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật (JICA); tỉnh Tun-che-a nước Ru-ma-ni, Viện Nghiên cứu và Phát triển Quốc gia Đồng bằng Đa Nuýp, Khu dự trữ sinh quyển Đồng bằng Đa Nuýp Châu Âu (trong khuôn khổ ASEM); và các tổ chức khác như Oxfam, IUCN, WWF, các Đại sứ quán tại thành phố Hồ Chí Minh... cùng hướng đến thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2030 của Liên hiệp quốc, hợp tác chia sẻ thông tin giải quyết các vấn đề xuyên biên giới về tài nguyên nước, môi trường và biến đổi khí hậu.

Bến Tre tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý, mô hình, dự án, công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu với các tỉnh ĐBSCL, liên kết thực hiện mục tiêu Nghị định 120/NĐ-CP phát triển bền vững ĐBSCL; tiếp tục phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các Viện nghiên cứu có nhiều kinh nghiệm về ĐBSCL trong thực hiện các nghiên cứu, dự án ứng phó biến đổi khí hậu nói riêng và các vấn đề liên quan khác về môi trường, bảo tồn, quản lý tài nguyên nước.

II. NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG

Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030 xác định 104 nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, hoạt động trọng tâm cụ thể nhằm đạt được 09 mục tiêu đã đề ra. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, hoạt động trọng tâm cụ thể được nêu trong Phụ lục 01 kèm theo. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, hoạt động thực hiện mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch hành động hướng tới thực hiện các ưu tiên:

Mục tiêu 1: Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái

Mục tiêu này hướng tới các ưu tiên chiến lược về đảm bảo an ninh lương thực; an ninh về nước; quản lý tài nguyên và môi trường; an sinh xã hội nhằm tăng cường khả năng chống chịu và năng lực thích ứng. Các kết quả mong đợi bao gồm: đến năm 2023 hoàn chỉnh hệ thống thủy thủy lợi phòng chống xâm nhập mặn; hoàn thành hệ thống các công trình cấp nước sinh hoạt; điều chỉnh mùa vụ, bố trí lại cơ cấu cây trồng vật nuôi, nhân rộng các mô hình sinh kế trong

nông nghiệp; tăng cường quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng; nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái, đa dạng sinh học; giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước và quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước (nước mặt, nước dưới đất, nước mưa) nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước; bảo đảm sinh kế cho cộng đồng; nâng cao năng lực chống chịu của các lĩnh vực.

Mục tiêu 2: Chủ động sẵn sàng ứng phó với thiên tai, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu

Mục tiêu này hướng tới các ưu tiên chiến lược về đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai nhằm giảm thiệt hại về người và tài sản do thiên tai và biến đổi khí hậu. Các kết quả mong đợi bao gồm: đảm bảo thông tin thường xuyên và kịp thời, dự báo về xâm nhập mặn, quan trắc môi trường nước đến nhân dân, cơ quan quản lý; Quản lý, vận hành hiệu quả các công trình cống đập ngăn mặn trên địa bàn tỉnh; nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; quản lý rủi ro thiên tai; triển khai các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

Mục tiêu 3: Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết 120 về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Mục tiêu này hướng tới ưu tiên chiến lược về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc thực hiện Kế hoạch số 1330/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghị quyết 120/NQ-CP về Phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả mong đợi bao gồm: 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp triển khai theo tiến độ; hợp tác vùng ĐBSCL, liên kết Tiểu vùng duyên hải phía Đông, phát triển tỉnh Bến Tre phù hợp với Quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL; triển khai được các dự án trọng điểm liên kết vùng về giao thông, cấp nước, năng lượng đặc biệt khu vực định hướng phát triển hướng Đông của tỉnh.

Mục tiêu 4 - Triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp.

Mục tiêu này nhằm góp thực hiện cam kết của Việt Nam về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Trong điều kiện nguồn lực của tỉnh sẽ thực hiện nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và rừng và chất thải.

Mục tiêu 5 - Thực hiện đầy đủ các cam kết của một Bên tham gia Công ước khung của Liên hiệp quốc và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Mục tiêu này nhằm góp phần để Chính phủ thực hiện các cam kết khi tham gia Công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Kết quả mong đợi là tỉnh sẽ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bắt buộc, và một phần các nhiệm vụ khuyến khích thực hiện theo

Quyết định 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Mục tiêu 6: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch

Mục tiêu này hướng tới ưu tiên ứng phó biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai sẽ được lồng ghép vào tất cả các Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các kế hoạch phát triển ngành, địa phương với kết quả mong đợi 100% Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các kế hoạch phát triển ngành, địa phương có lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu; 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố có xây dựng kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu hàng năm; Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách ưu tiên cho biến đổi khí hậu của Trung ương ban hành sẽ được cụ thể, áp dụng cho tỉnh và bộ máy quản lý biến đổi khí hậu của tỉnh kiện toàn, hoạt động hiệu quả.

Mục tiêu 7: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kiến thức, tăng cường năng lực về phòng tránh thiên tai, sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu

Mục tiêu này hướng tới ưu tiên về tăng cường kiến thức, nhận thức, năng lực của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo bình đẳng giới. Các kết quả mong đợi, bao gồm: Nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho các em học sinh thông qua tích hợp các chương trình, môn học giáo dục phổ thông phù hợp, các chương trình truyền thông và các lớp tập huấn cho chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể xã hội và cộng đồng; nâng cao vai trò của phụ nữ trong xây dựng và thực hiện các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

Mục tiêu 8: Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ và tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Mục tiêu này nhằm thực hiện ưu tiên về phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học và công nghệ và nguồn tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Các kết quả mong đợi bao gồm: Lãnh đạo, chuyên viên cơ quan chuyên môn được đào tạo, tập huấn theo chương trình của Trung ương; 100% chuyên viên cấp huyện, xã phụ trách biến đổi khí hậu tham gia các lớp tập huấn; xây dựng được bộ dữ liệu dữ liệu và thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường của tỉnh; xây dựng, phê duyệt và thực hiện chương trình, kế hoạch khoa học công nghệ cấp tỉnh phục vụ các mục tiêu về biến đổi khí hậu kết hợp môi trường và tài nguyên; đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển chuyển giao khoa học và công nghệ về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; tăng cường nguồn lực tài chính cho thực hiện các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu 9: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế và đóng góp của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Mục tiêu này nhằm thực hiện ưu tiên duy trì và tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các

đối tác trong thời gia qua của tỉnh và xúc tiến quan hệ với các đối tác tìm năng; mở rộng quan hệ ngoại giao của tỉnh với các tỉnh, vùng trên thới giới trong giải quyết các vấn đề xuyên biên giới về tài nguyên nước, môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các kết quả mong đợi bao gồm: đảm bảo hoàn thành các Thỏa thuận, chương trình, dự án hợp tác của tỉnh với các đối tác; xây dựng và ban chương trình xúc tiến hợp tác nước ngoài trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Giám sát tiến độ triển khai và thực hiện Kế hoạch hành động

Tiến độ của Kế hoạch hành động được giám sát dựa trên các kết quả theo từng giai đoạn của các nhiệm vụ, đề án, dự án, hoạt động cụ thể trong Danh mục kèm theo.

- Ở cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **chậm nhất đến ngày 15/12 hàng năm** để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Ở cấp huyện: Phòng Tài nguyên môi trường chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cấp địa phương và cấp cộng đồng trên địa bàn; tổng hợp tình hình thực hiện gửi Sở tài nguyên và Môi trường **trước ngày 20/11 hằng năm** để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh.

2. Rà soát và cập nhật Kế hoạch hành động

- Sau hai (02) năm đầu tiên của quá trình triển khai thực hiện, trong giai đoạn cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, xét sự cần thiết Kế hoạch hành động sẽ được rà soát cập nhật, bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với các Đề án, nhiệm vụ mới của Trung ương; Quy hoạch phát triển tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030 (dự kiến hoàn thành vào đầu năm 2022) và các Quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL, Quy hoạch phát triển ngành quốc gia.

- Sau ba (03) năm tiếp theo, việc rà soát, cập nhật lần thứ hai sẽ được thực hiện căn cứ vào kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho giai đoạn 2026 - 2030.

3. Đánh giá thực hiện Kế hoạch hành động

Đánh giá Kế hoạch hành động thực hiện 02 lần:

- Lần 01: sau 05 năm thực hiện kế hoạch hành động (2021 - 2025).
- Lần 02: vào năm cuối của giai đoạn 10 năm (2021 - 2030).

Kế hoạch hành động được đánh giá để xác định những kết quả đạt được và rút ra bài học cho Kế hoạch hành động của giai đoạn tiếp theo. Việc sửa đổi, đánh giá Kế hoạch hành động phải được thực hiện thông qua sự tham vấn ý kiến rộng

rãi của các sở, ngành và địa phương; và các chỉ tiêu chính để đánh giá kế hoạch hành động như Phụ lục 02 kèm theo kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác.

3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Biến đổi khí hậu tỉnh các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; kịp thời báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Biến đổi khí hậu tỉnh những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện ở tỉnh và địa phương, bảo đảm việc triển khai Kế hoạch hành động đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực;.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án được phân công của Kế hoạch hành động.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tham mưu phân bổ vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách; tiếp tục kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực góp phần ứng phó biến đổi khí hậu như năng lượng tái tạo, nông nghiệp, xử lý chất thải.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục nhiệm vụ, dự án của sở, ngành và địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

- Phối hợp với sở, ngành và địa phương rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu, các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch; tiếp tục hướng dẫn địa phương lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan xúc tiến các chương trình, dự án hợp tác ODA, tài trợ Phi chính phủ.

- Triển khai thực hiện thực hiện các nhiệm vụ, dự án được phân công của Kế hoạch hành động.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương cân đối bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm, vốn đầu tư từ Trung ương, Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động của Kế hoạch hành động.

- Triển khai thực hiện thực hiện các nhiệm vụ được phân công của Kế hoạch hành động.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre

Có trách nhiệm bố trí kinh phí và đề xuất thực hiện các dự án, nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động được giao cho địa phương thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định; Xây dựng kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu cấp huyện, thành phố hàng năm hoặc 05 năm.

5. Các Sở, ban ngành

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công trong bảng danh mục dự án, nhiệm vụ kèm theo; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

- Rà soát các kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực để lồng ghép với các nội dung của Kế hoạch hành động, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch phát triển.

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động.

- Giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công.

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh những biện pháp nhằm tối ưu hóa việc thực hiện Kế hoạch hành động và những điều chỉnh cần thiết đối với Kế hoạch hành động trong giai đoạn sau.

Kèm theo:

- Phụ lục 01: Danh mục các chương trình, đề án, dự án và hoạt động trọng tâm của giai đoạn 2021 - 2030.

- Phụ lục 02: Bảng tiêu chí đánh giá chính thực hiện Kế hoạch hành động.

Căn cứ Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao

các nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện; xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí từng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định. Các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương cần được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai thực hiện./.